

**HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

NGÀY THI: 25/4/2020

| TT | SBD    | Họ và tên          | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Dân tộc | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|----|--------|--------------------|------------|-------------|-----------|---------|-------------|-----------|---------|---------|
|    |        |                    |            |             |           |         | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 1  | CNTT01 | Nguyễn Thị Lan Anh | 26/12/1977 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | 6,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 2  | CNTT02 | Nguyễn Thị Bình    | 27/06/1997 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | 6,5         | 7,0       | Đạt     |         |
| 3  | CNTT03 | Nguyễn Thị Cúc     | 05/11/1990 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | 6,7         | 7,0       | Đạt     |         |
| 4  | CNTT04 | Đinh Văn Cường     | 20/11/1994 | Bắc Giang   | Nam       | Kinh    | -           | -         | -       | Bỏ thi  |
| 5  | CNTT05 | Lại Văn Đông       | 25/02/1965 | Bắc Giang   | Nam       | Kinh    | 6,7         | 8,0       | Đạt     |         |
| 6  | CNTT06 | Đặng Thị Hà        | 26/04/1995 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | 6,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 7  | CNTT07 | Lưu Thị Hà         | 21/10/1995 | Bắc Giang   | Nam       | Kinh    | 6,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 8  | CNTT08 | Ngọc Thanh Hải     | 10/05/1994 | Bắc Giang   | Tày       | Kinh    | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 9  | CNTT09 | Lê Đức Hạnh        | 27/10/1973 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | 6,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 10 | CNTT10 | Trần Thị Hồng Hạnh | 02/05/1996 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | 8,2         | 7,0       | Đạt     |         |
| 11 | CNTT11 | Vương Văn Hạnh     | 03/09/1993 | Tuyên Quang | Nam       | Kinh    | -           | -         | -       | Bỏ thi  |
| 12 | CNTT12 | Nguyễn Đình Hậu    | 13/02/2002 | Bắc Giang   | Nam       | Kinh    | 5,5         | 7,0       | Đạt     |         |
| 13 | CNTT13 | Nguyễn Thị Hiên    | 16/06/1991 | Bắc Giang   | Nữ        | Kinh    | 6,5         | 7,5       | Đạt     |         |

| TT | SBD    | Họ và tên      |        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|----|--------|----------------|--------|------------|-----------|-----------|---------|-------------|-----------|---------|---------|
|    |        |                |        |            |           |           |         | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 14 | CNTT14 | Hoàng Tiến     | Hòa    | 04/11/1995 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 6,7         | 7,5       | Đạt     |         |
| 15 | CNTT15 | Trần Anh       | Quang  | 02/01/1994 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 7,0         | 7,0       | Đạt     |         |
| 16 | CNTT16 | Đặng Thị Lê    | Trang  | 23/12/1987 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 17 | CNTT17 | Hoàng Thị      | Hồng   | 27/08/1991 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | -           | -         | -       | Bỏ thi  |
| 18 | CNTT18 | Nguyễn Thị Nam | Hợp    | 22/03/1993 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,0         | 7,0       | Đạt     |         |
| 19 | CNTT19 | Nguyễn Thị     | Huệ    | 10/03/1995 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,7         | 6,5       | Đạt     |         |
| 20 | CNTT20 | Phạm Trí       | Huy    | 12/04/1993 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 8,7         | 7,0       | Đạt     |         |
| 21 | CNTT21 | Trần Văn       | Huy    | 01/12/1983 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 7,7         | 6,5       | Đạt     |         |
| 22 | CNTT22 | Phạm Thu       | Huyền  | 12/11/1986 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 23 | CNTT23 | Trần Thị       | Hương  | 30/12/1996 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 24 | CNTT24 | Cao Thị        | Hường  | 25/04/1979 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | -           | -         | -       | Bỏ thi  |
| 25 | CNTT25 | Nguyễn Văn     | Kha    | 08/09/1987 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 7,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 26 | CNTT26 | Vũ Thị         | Khải   | 07/11/1982 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 27 | CNTT27 | Nguyễn Văn     | Khanh  | 10/06/1979 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 28 | CNTT28 | Nguyễn Thị     | Khuông | 11/12/1990 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,0         | 6,5       | Đạt     |         |

| TT | SBD    | Họ và tên          | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|----|--------|--------------------|------------|-----------|-----------|---------|-------------|-----------|---------|---------|
|    |        |                    |            |           |           |         | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 29 | CNTT29 | Vũ Vi Ngọc Lan     | 25/05/1981 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | -           | -         | -       | Bỏ thi  |
| 30 | CNTT30 | Trần Thị Lệ        | 23/02/1995 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,7         | 6,5       | Đạt     |         |
| 31 | CNTT31 | Dương Thùy Liên    | 26/03/1996 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,7         | 7,0       | Đạt     |         |
| 32 | CNTT32 | Trần Công Minh     | 22/07/1990 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 6,7         | 7,0       | Đạt     |         |
| 33 | CNTT33 | Đặng Ngọc Anh      | 18/08/1986 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 34 | CNTT34 | Nông Văn Hạnh      | 22/10/1985 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 35 | CNTT35 | Nguyễn Thị Hiền    | 11/09/1976 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,2         | 6,0       | Đạt     |         |
| 36 | CNTT36 | Dương Quế Hương    | 10/06/1982 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,7         | 7,0       | Đạt     |         |
| 37 | CNTT37 | Nguyễn Văn Nam     | 20/03/1990 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 38 | CNTT38 | Trương Thị Năm     | 28/10/1992 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,5         | 6,0       | Đạt     |         |
| 39 | CNTT39 | Đinh Thị Minh Nhâm | 12/07/1980 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,0         | 6,0       | Đạt     |         |
| 40 | CNTT40 | Trần Thị Nhật      | 21/08/1994 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 41 | CNTT41 | Nguyễn Thị Nhung   | 23/10/1996 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 42 | CNTT42 | Bùi Thị Nường      | 05/08/1991 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 43 | CNTT43 | Ngọc Thị Nụ        | 18/07/1991 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,2         | 6,5       | Đạt     |         |

| TT | SBD    | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|----|--------|-----------------|--------|------------|-----------|-----------|---------|-------------|-----------|---------|---------|
|    |        |                 |        |            |           |           |         | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 44 | CNTT44 | Lê Văn          | Phúc   | 13/10/1980 | Hung Yên  | Nam       | Kinh    | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 45 | CNTT45 | Nguyễn Thị      | Phương | 24/12/1993 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 46 | CNTT46 | Vi Thị          | Phương | 02/08/1996 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,5         | 7,5       | Đạt     |         |
| 47 | CNTT47 | Nông Thị        | Phượng | 15/01/1992 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,5         | 7,0       | Đạt     |         |
| 48 | CNTT48 | Đàm Văn         | Quất   | 15/09/1986 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 49 | CNTT49 | Chu Thị Thanh   | Quỳnh  | 12/11/1984 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,0         | 6,5       | Đạt     |         |
| 50 | CNTT50 | Hà Văn          | Sản    | 08/04/1978 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | -           | -         | -       | Bỏ thi  |
| 51 | CNTT51 | Nguyễn Văn      | Thái   | 21/07/1987 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 7,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 52 | CNTT52 | Phạm Thanh      | Thảo   | 05/01/1971 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,5         | 7,0       | Đạt     |         |
| 53 | CNTT53 | Trần Thị Phương | Thảo   | 04/11/1980 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,7         | 6,0       | Đạt     |         |
| 54 | CNTT54 | Nguyễn Sĩ       | Thọ    | 12/10/1983 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 7,7         | 7,5       | Đạt     |         |
| 55 | CNTT55 | Phan Huy        | Thông  | 17/09/1984 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 6,7         | 6,5       | Đạt     |         |
| 56 | CNTT56 | Phạm Thị        | Thu    | 08/03/1994 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 6,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 57 | CNTT57 | Nguyễn Thị Diệu | Thúy   | 15/10/1992 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 8,5         | 6,5       | Đạt     |         |
| 58 | CNTT58 | Nguyễn Thị Minh | Thư    | 02/09/1992 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 8,0         | 6,5       | Đạt     |         |

| TT | SBD    | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Dân tộc | Điểm        |           | Kết quả | Ghi chú |
|----|--------|----------------------|------------|-----------|-----------|---------|-------------|-----------|---------|---------|
|    |        |                      |            |           |           |         | Trắc nghiệm | Thực hành |         |         |
| 59 | CNTT59 | Giáp Thị Thương      | 20/11/1996 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 8,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 60 | CNTT60 | Nguyễn Tiến Trung    | 25/08/1987 | Bắc Ninh  | Nam       | Kinh    | 8,7         | 8,5       | Đạt     |         |
| 61 | CNTT61 | Nguyễn Văn Trường    | 10/03/1980 | Bắc Giang | Nam       | Kinh    | 7,2         | 6,5       | Đạt     |         |
| 62 | CNTT62 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết | 31/07/1974 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 7,5         | 7,0       | Đạt     |         |
| 63 | CNTT63 | Hoàng Thị Vân        | 21/07/1998 | Bắc Giang | Nữ        | Kinh    | 8,7         | 8,0       | Đạt     |         |

**Tổng số thí sinh theo danh sách:** **63**

**Số thí sinh bỏ thi:** **6**

**Số thí sinh dự thi:** **57**

Số thí sinh đạt yêu cầu: 57

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

*(Đã ký)*

**ThS. Đỗ Thị Huyền**

*Bắc Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2020*  
**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI**

*(Đã ký)*

**Nghiêm Xuân Đạt**